Machine Translated by Google

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	Đường kính CW-VB
Các phương tiện nhận dạng khác	Không có.
Sử dụng được khuyến nghị	Lớp phủ. Sử dụng trong công nghiệp.
Hạn chế được đề xuất	Không có thông tin nào được biết.

Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối

Nhà cung cấp

Tên công ty	Hệ thống phủ Nukote quốc tế
Địa chỉ	4730 Đường Consulate Plaza Phòng 100 Houston, TX. 77032
Điện thoại	832-770-7100
E-mail	SDS@nukoteglobal.com
Số điện thoại khẩn cấp	Chemtrec: 800-424-9300 (Tài khoản: CCN16118) hoặc Quốc tế: 703-527-3887 (Tài khoản: CCN16118)

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Nguy cơ vật lý: Chưa được phân loại.

Nguy cơ sức khỏe

Độc tính cấp tính, hít phải	Thể loại 4
Ăn mòn/kích ứng da	Thể loại 1B
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Thể loại 1
Nhạy cảm, hô hấp	Thể loại 1
Nhạy cảm, da	Thể loại 1
Độc tính cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm một lần Loại 3 kích ứng đường hô hấp	

Nguy cơ môi trường

Nguy hiểm cho môi trường nước, cấp tính Loại 3 nguy hiểm	
Có hại cho môi trường nước, nguy hiểm lâu dài	Thể loại 3

OSHA định nghĩa các mối nguy hiểm: Chưa được phân loại.

Các thành phần nhãn



Từ tín hiệu: Sự nguy hiểm

Tuyên bố nguy hiểm: Có hại nếu hít phải. Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt. Có thể gây dị ứng hoặc hen suyễn triệu chứng hoặc khó thở nếu hít phải. Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. Có thể gây ra kích ứng đường hô hấp. Có hại cho sinh vật thủy sinh.

Tuyên bố phòng ngừa

Phòng ngừa: Không hít phải sương mù hoặc hơi. Rửa sạch sau khi xử lý. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông gió tốt. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép mang ra khỏi nơi làm việc. Tránh thải ra môi trường. Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/mặt bảo vệ. Trong trường hợp thông gió không đủ, hãy đeo thiết bị bảo vệ hô hấp.

Phản ứng: Nếu nuốt phải: Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Nếu dính vào da (hoặc tóc): Loại bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/tắm. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Nếu hít phải: Đưa người đó ra nơi thoáng khí và giữ thoải mái để thở. Gọi ngay cho trung tâm chống độc/bác sĩ. Nếu dính vào mắt: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ tiếp xúc ống kính, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa sạch.

Kho: Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Đóng chặt hộp đựng. Bảo quản trong tủ khóa.

Machine Translated by Google

Xử lý	Xử lý chất thải/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Nguy cơ không được phân loại khác (HNOC)	Có thể gây hại nếu nuốt phải. Có thể gây hại khi tiếp xúc với da.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

Tên hóa học	Số CAS	%
2-Dimethylaminoethanol	108-01-0	10 - 25
Natri persunfat	7775-27-1	<3

Bình luận về bài viết	Danh tính hóa học cụ thể và/hoặc tỷ lệ phần trăm chính xác của các thành phần đã được giữ kín như một bí mật thương mại. Các thành phần không được liệt kê là không nguy hiểm hoặc dưới mức giới hạn có thể báo cáo. Tất cả nồng độ đều tính theo phần trăm theo trọng lượng trừ khi thành phần là khí. Nồng độ khí tính theo phần trăm theo thể tích.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít vào	Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nạn nhân nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở. Thở oxy hoặc hô hấp nhân tạo nếu cần. Không sử dụng phương pháp thổi ngạt nếu nạn nhân hít phải chất này. Tiến hành hô hấp nhân tạo bằng mặt nạ bỏ túi có van một chiều hoặc thiết bị y tế hô hấp phù hợp khác. Nếu gặp các triệu chứng về hô hấp: Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ/bác sĩ chuyên khoa.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức và rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Gọi ngay cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc. Bỏng hóa chất phải được bác sĩ điều trị. Giặt sạch quần áo bị nhiễm độc trước khi sử dụng lại.
Giao tiếp bằng mắt	Rửa mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc.
Tiêu thụ	Súc miệng. Không gây nôn. Nếu nôn, hãy cúi đầu xuống để thức ăn trong dạ dày không tràn vào phổi. Gọi cho trung tâm chống độc/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
Các triệu chứng/ tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm trễ	Đau rát và tổn thương da nghiêm trọng do ăn mòn. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Có thể dẫn đến tổn thương mắt vĩnh viễn bao gồm mù lòa. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Khó thở. Lưu ý rằng các triệu chứng phù phổi (khó thở) có thể phát triển tới 24 giờ sau khi tiếp xúc. Có thể gây bỏng ở niêm mạc, cổ họng, thực quản và dạ dày. Nhạy cảm.
Chỉ định cần được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ chung và điều trị triệu chứng. Bỏng hóa chất: Xả nước ngay lập tức. Trong khi xả, cởi bỏ quần áo không dính vào vùng bị ảnh hưởng. Gọi xe cứu thương. Tiếp tục xả nước trong khi vận chuyển đến bệnh viện. Giữ ấm cho nạn nhân. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể bị chậm trễ.
Thông tin chung	Nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy tìm lời khuyên y tế (cho xem nhãn nếu có thể). Đảm bảo rằng nhân viên y tế biết về vật liệu liên quan và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân. Cho bác sĩ có mặt xem tờ dữ liệu an toàn này.

5. Biện pháp chữa cháy Phương tiện

chữa cháy phù hợp Bình xịt nước. Bọt chống cồn. Bột. Cacbon dioxit (CO2).

Phương tiện chữa cháy không phù hợp	Không sử dụng tia nước để chữa cháy vì điều này sẽ khiến đám cháy lan rộng.
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất	Trong quá trình cháy, có thể hình thành các loại khí nguy hiểm cho sức khỏe.
Thiết bị bảo vệ đặc biệt Phải đeo thiết bị thở tự cung cấp và quần áo bảo hộ đầy đủ trong trường hợp hỏa hoạn. và các biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa Thiết bị/ hướng dẫn chữa cháy Các phương pháp cụ thể	
Nguy cơ hỏa hoạn nói chung	Tránh hít phải hơi. Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không gặp rủi ro. Sử dụng bình xịt nước để làm mát các thùng chứa chưa mở. Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và cân nhắc đến mối nguy hiểm của các vật liệu liên quan khác. Sẽ cháy nếu có hỏa hoạn.

6. Biện pháp phát hành ngẫu nhiên

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp	Tránh xa những người không cần thiết. Tránh xa mọi người và ngược gió nơi tràn/rò rỉ. Mặc thiết bị bảo hộ và quần áo phù hợp trong quá trình dọn dẹp. Không hít phải sương mù hoặc hơi. Không chạm vào các thùng chứa bị hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ phù hợp. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Cần thông báo cho chính quyền địa phương nếu không thể ngăn chặn được sự cố tràn đáng kể. Để bảo vệ cá nhân, hãy xem phần 8 của SDS.

Machine Translated by Google

Phương pháp và vật liệu cho ngăn chặn và dọn dẹp	Sử dụng bình xịt nước để giảm hơi hoặc chuyển hướng hơi nước trôi. Sản phẩm này có thể hòa tan trong nước. Ngăn không cho sản phẩm chảy vào cống. Tràn lớn: Ngăn chặn dòng chảy của vật liệu, nếu không có nguy cơ . Đắp đê vật liệu tràn, nếu có thể. Thấm vào vermiculite, cát khô hoặc đất và cho vào thùng chứa. Sau khi thu hồi sản phẩm, rửa sạch khu vực bằng nước. Vết đổ nhỏ: Lau sạch bằng vật liệu thấm hút (ví dụ vải, vải nỉ). Vệ sinh bề mặt thật kỹ để loại bỏ chất bẩn còn sót lại. Không bao giờ đổ chất tràn trở lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Đối với việc xử lý chất thải, hãy xem mục 13 của SDS.
Biện pháp phòng ngừa môi trường	Thông báo cho nhân viên quản lý hoặc giám sát thích hợp về tất cả các lần phát thải ra môi trường. Ngăn ngừa rò rỉ hoặc tràn thêm nếu an toàn. Tránh phát thải ra môi trường. Tránh xả vào cống rãnh, dòng nước hoặc xuống đất. Pha loãng với nhiều nước.

7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn	Không hít sương mù hoặc hơi. Không để vào mắt, da hoặc quần áo. Không nếm hoặc nuốt. Tránh tiếp xúc lâu dài. Khi sử dụng, không ăn, uống hoặc hút thuốc. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp. Rửa tay kỹ sau khi xử lý. Tránh thải ra môi trường. Thực hiện các biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt.
Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào	Bảo quản trong hộp kín. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của SDS).

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH của Hoa Kỳ Các thành phần

Kiểu	Giá trị
HAI	0,1mg/m3

Natri persunfat (CAS 7775-27-1)

Giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn phơi nhiễm sinh học nào được ghi nhận đối với thành phần.
Kiểm soát kỹ thuật thích hợp	Nên sử dụng thông gió chung tốt. Tốc độ thông gió phải phù hợp với điều kiện. Nếu có thể, hãy sử dụng các vỏ bọc quy trình, thông gió xả cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để duy trì mức độ trong không khí dưới mức giới hạn phơi nhiễm được khuyến nghị. Phải có sẵn các tiện nghi rửa mắt và vòi sen khẩn cấp khi xử lý sản phẩm này.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân Bảo vệ mắt/mặt

	Đeo kính bảo hộ có tấm chắn hai bên (hoặc kính bảo hộ) và tấm chắn mặt.
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Đeo găng tay chống hóa chất phù hợp. Nên dùng găng tay nitrile, cao su butyl hoặc cao su tổng hợp neoprene. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ như tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, sự khéo léo. Nên thay găng tay thường xuyên. Nhà cung cấp găng tay có thể đề xuất găng tay phù hợp.
Bảo vệ da	
Khác	Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp. Nên sử dụng tạp dề không thấm nước.
Bảo vệ hô hấp	Sử dụng máy trợ thở lọc không khí được NIOSH/MSHA chấp thuận khi cần để kiểm soát phơi nhiễm. Tham khảo ý kiến nhà sản xuất máy trợ thở để xác định lựa chọn, cách sử dụng và hạn chế của máy trợ thở. Sử dụng máy trợ thở áp suất dương, cung cấp không khí cho các đợt phát tán không kiểm soát hoặc khi có thể vượt quá giới hạn của máy trợ thở lọc không khí. Thực hiện theo các yêu cầu của chương trình bảo vệ máy trợ thở (OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2) cho mọi mục đích sử dụng máy trợ thở. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.
Nguy cơ nhiệt	Mặc quần áo giữ nhiệt thích hợp khi cần thiết.
Những cân nhắc chung về vệ sinh	Tránh xa đồ ăn và đồ uống. Luôn tuân thủ các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, chẳng hạn như rửa sạch sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo làm việc và thiết bị bảo vệ để loại bỏ chất gây ô nhiễm. Không được phép mang quần áo làm việc bị ô nhiễm ra khỏi nơi làm việc.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài

Trạng thái vật lý	Chất lỏng.
Hình thức	Chất lỏng.
Màu sắc	Trong suốt đến màu rơm.
Mùi	Giống như amin.

Machine Translated by Google

Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
độ pH	10.4
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và điểm sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm chớp cháy	> 212,0 °F (> 100,0 °C)
Tốc độ bốc hơi	Không có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không áp dụng.
Giới hạn cháy nổ trên/dưới	
Giới hạn cháy - thấp hơn (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi	Không có sẵn.
Mật độ hơi	Không có sẵn.
Mật độ tương đối	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Tan trong nước.
Hệ số phân chia (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Thông tin khác	
Tính chất nổ	Không gây nổ.
Tính chất oxy hóa	Không bị oxy hóa.

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Khả năng phản	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển thông thường.
ứng Độ ổn định hóa học	Vật liệu ổn định trong điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	Phản ứng với chất oxi hóa mạnh, axit mạnh.
Điều kiện cần tránh	Nhiệt độ quá cao. Tiếp xúc với vật liệu không tương thích.
Vật liệu không tương thích	Chất oxy hóa. Axit mạnh. Nitrat.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Nitơ oxit (NOx). Lưu huỳnh oxit (SOx.).

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể xảy ra	
Hít vào	Có hại nếu hít phải. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Nồng độ cao có thể gây phù phổi. Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng, hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
Tiếp xúc với da	Gây bỏng da nghiêm trọng. Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Giao tiếp bằng mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Tiêu thụ	Có thể gây hại nếu nuốt phải. Nuốt phải có thể gây kích ứng hoặc loét đường tiêu hóa. Nuốt phải có thể gây bỏng miệng và cổ họng.
Các triệu chứng liên quan đến vật lý, hóa học và đặc điểm độc tính	Đau rát và tổn thương da nghiêm trọng do ăn mòn. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Tổn thương mắt vĩnh viễn bao gồm có thể dẫn đến mù lòa. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Khó thở. Hãy lưu ý rằng các triệu chứng phù phổi (khó thở) có thể phát triển đến 24 giờ sau khi tiếp xúc. Có thể gây bỏng niêm mạc, cổ họng, thực quản và dạ dày. Nhạy cảm.
Thông tin về tác động độc tính	
Độc tính cấp tính	Có hại nếu hít phải. Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

Machine Translated by Google

Thành phần	Giống loài	Kết quả kiểm tra
2-Dimethylaminoethanol (CAS 108-01-0)		
cấp tính		
Da liễu		
LD50	Con thỏ	1370mg/kg
Hít vào		
LC50	Chuột	3,25 mg/lít/4h
Miệng		
LD50	Chuột cái	1220,1mg/kg
	Con chuột	1182,7mg/kg
Natri persunfat (CAS 7775-27-1)		
cấp tính		
Da liễu		
LD50	Con chuột	> 2000 mg/kg, 24 giờ
Hít vào		
LC50	Con chuột	> 5,1 mg/l, 4 giờ
Miệng		
LD50	Con chuột	742mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da	Gây bỏng da nghiêm trọng.
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Nhạy cảm hô hấp hoặc da	
Nhạy cảm đường hô hấp	Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
Nhạy cảm da	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Đột biến tế bào mầm	Không có dữ liệu nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức lớn hơn 0,1% là gây đột biến hoặc độc tính di truyền.
Chuyên khảo về khả năng gây ung thư của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư	Không được phân loại là chất gây ung thư cho con người.
Không có trong danh sách.	
Báo cáo của NTP về chất gây ung thư	
Không có trong danh sách.	
Các chất được OSHA quy định cụ thể (29 CFR 1910.1001-1053)	
Không được quản lý.	
Độc tính sinh sản Độc tính	Sản phẩm này không gây ra tác dụng phụ về mặt sinh sản hoặc phát triển.
cơ quan đích cụ thể - phơi sáng đơn	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Độc tính cơ quan đích cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Chưa được phân loại.
Nguy cơ hít phải	Không gây nguy cơ hít phải.
Tác dụng mãn tính	Hít phải trong thời gian dài có thể gây hại.
Thông tin thêm	Nitrosamine: Gây ung thư trong các thử nghiệm trên động vật. Gây đột biến trong ống nghiệm. Không thêm amin (nitrit) vào sản phẩm này do nguy cơ hình thành nitrosamine

12. Thông tin sinh thái

Độc tính sinh thái	Có hại cho sinh vật dưới nước.

Thành phần		Giống loài	Kết quả kiểm tra
2-Dimethylaminoethanol (CAS 108-01-0)			
Thủy sinh			
cấp tính			
Tảo	EC50	Scenedesmus cấp tính	35 mg/l, 72 giờ
Giáp xác	EC50	Daphnia magna	98,77 mg/l, 48 giờ
Cá	LC50	Pimephales promelas	81 mg/l, 96 giờ

Machine Translated by Google

Độ bền và khả năng phân hủy Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của bất kỳ thành phần nào trong hỗn hợp.

Tiềm năng tích lũy sinh học Di	Không có dữ liệu.
động trong đất	Sản phẩm này tan trong nước và có thể lan truyền trong hệ thống nước.
Các tác dụng phụ khác	Có nguy cơ hình thành nitrosamine nếu sản phẩm được thải ra môi trường. Nitrosamine gây nguy hiểm cho vi sinh vật.

13. Cân nhắc xử lý

Hướng dẫn xử lý	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng chứa kín tại địa điểm xử lý chất thải được cấp phép. Đốt vật liệu trong điều kiện được kiểm soát trong lò đốt được chấp thuận. Không để vật liệu này chảy ra vào cống rãnh/nguồn cung cấp nước. Không làm ô nhiễm ao, đường thủy hoặc mương bằng hóa chất hoặc chất thải đã qua sử dụng thùng chứa. Xử lý nội dung/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế quy định.
Quy định xử lý tại địa phương	Xử lý theo đúng các quy định hiện hành.
Mã chất thải nguy hại	Mã chất thải phải được chỉ định trong quá trình thảo luận giữa người sử dụng, nhà sản xuất và đơn vị xử lý chất thải. công ty xử lý rác thải.
Chất thải từ cặn bã / chưa sử dụng các sản phẩm	Xử lý theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc lớp lót rỗng có thể giữ lại một số dư lượng sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được xử lý theo cách an toàn (xem: Hướng dẫn xử lý).
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các thùng chứa rỗng có thể giữ lại cặn sản phẩm, hãy tuân thủ các cảnh báo trên nhãn ngay cả sau khi thùng chứa đã được đã được làm rỗng. Các thùng chứa rỗng phải được đưa đến một địa điểm xử lý chất thải được chấp thuận để tái chế hoặc xử lý.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM

Số UN Tên vận	UN2735
chuyển riêng của UN Amin, chất lỏng, ăn mòn, số (2-Dimethylaminoethanol)	
Lớp nguy hiểm vận chuyển	
Lớp	8
Rủi ro phụ Nhãn(s)	-
	8
Nhóm đóng gói	III
Nguy cơ môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

Quy định đặc biệt Ngoại	IB3, T7, TP1, TP28
lệ về bao bì Bao bì không phải	154
hàng rời Bao bì hàng rời	203
IATA	241

Số UN Tên vận	UN2735
chuyển riêng của UN Amin, chất lỏng, ăn mòn, số (2-Dimethylaminoethanol)	
Lớp nguy hiểm vận chuyển	
Lớp	8
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói Nguy cơ	III
môi trường	KHÔNG
Mã ERG Các	8L

biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

IMDG

Số của Liên Hợp Quốc	UN2735
Tên vận chuyển thích hợp của Liên hợp quốc	AMINES, LIQUID, CORROSIVE, NOS (2-Dimethylaminoethanol)
Lớp nguy hiểm vận chuyển	
Lớp	8
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói Nguy cơ	III
môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG
EmS	FA, SB

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và các quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

Machine Translated by Google

Vận chuyển hàng rời theo quy định Chưa xác định.
Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật
IBC

15. Thông tin quy định

Quy định của liên bang Hoa Kỳ — Sản phẩm này là "Hóa chất nguy hiểm" theo định nghĩa của Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của OSHA, 29 CFR 1910.1200.

Thông báo xuất khẩu Mục 12(b) của TSCA (40 CFR 707, Mục D)

Không được quản lý.

Danh sách chất nguy hiểm CERCLA (40 CFR 302.4)

Không có trong danh sách.

SARA 304 Thông báo phát hành khẩn cấp Không được quản lý.

Các chất được OSHA quy định cụ thể (29 CFR 1910.1001-1053)

Không được quản lý.

Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền Superfund năm 1986 (SARA)

SARA 302 Chất cực kỳ nguy hiểm Không được liệt kê.

SARA 311/312 Nguy hiểm Có hóa chất

Phân loại các loại nguy hiểm — Độc tính cấp tính (bất kỳ đường tiếp xúc nào)
Ăn mòn hoặc kích ứng da
Tổn thương nghiêm trọng hoặc kích ứng mắt
Nhạy cảm hô hấp hoặc da
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần hoặc nhiều lần)

SARA 313 (báo cáo TRI)

Không được quản lý.

Các quy định liên bang khác

Đạo luật Không khí Sạch (CAA) Mục 112 Danh sách các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP)

Không được quản lý.

Đạo luật Không khí Sạch (CAA) Mục 112(r) Phòng ngừa Phát hành ngẫu nhiên (40 CFR 68.130)

Không được quản lý.

Đạo luật Nước uống an toàn (SDWA) — Không được quản lý.

Quy định của tiểu bang Hoa Kỳ

US. Massachusetts RTK - Danh sách chất

2-Dimethylaminoethanol (CAS 108-01-0)

Đạo luật Quyền được biết của Cộng đồng và Người lao động New Jersey của Hoa Kỳ

2-Dimethylaminoethanol (CAS 108-01-0)
Natri persunfat (CAS 7775-27-1)

Luật Quyền Được Biết của Cộng Đồng và Người Lao Động Pennsylvania Hoa Kỳ

2-Dimethylaminoethanol (CAS 108-01-0)

RTK Rhode Island của Hoa Kỳ

Không được quản lý.

Dự luật 65 của California

Đạo luật Thực thi Nước uống An toàn và Chất độc của California năm 2016 (Đề xuất 65): Vật liệu này không chứa bất kỳ hóa chất nào hiện được liệt kê là chất gây ung thư hoặc chất độc sinh sản. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov.

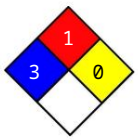
Hàng tồn kho quốc tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên hàng tồn kho	Trong kho (có/không)*
Úc	Kho dự trữ hóa chất của Úc (AICS)	Đúng
Canada	Danh sách các chất trong nước (DSL)	Đúng
Canada	Danh sách các chất không phải trong nước (NDSL)	KHÔNG
Trung Quốc	Bản kiểm kê các chất hóa học hiện có ở Trung Quốc (IECSC)	Đúng

Machine Translated by Google

Quốc gia hoặc khu vực	Tên hàng tồn kho	Trong kho (có/không)*
Châu Âu	Kho dự trữ hóa chất thương mại hiện có của Châu Âu Chất (EINECS)	Đúng
Châu Âu	Danh sách các chất hóa học được thông báo của Châu Âu (ELINCS)	KHÔNG
Nhật Bản	Kiểm kê các chất hóa học hiện có và mới (ENCS)	Đúng
Hàn Quốc	Danh sách hóa chất hiện có (ECL)	Đúng
New Zealand	Hàng tồn kho New Zealand	Đúng
Philippines	Kho dự trữ hóa chất và chất hóa học của Philippines (ÁNH)	Đúng
Đài Loan	Danh mục hóa chất của Đài Loan (TCSI)	Đúng
Kiểm kê theo Đạo luật kiểm soát chất độc hại của Hoa Kỳ và Puerto Rico (TSCA) *"Có" nghĩa là sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu kiểm kê do quốc gia quản lý quản lý. "Không" chỉ ra rằng một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được liệt kê hoặc được miễn khỏi danh sách trong kho do cơ quan quản lý quản lý. quốc gia(các quốc gia).		Đúng

16. Thông tin khác, bao gồm ngày soạn thảo hoặc lần sửa đổi cuối cùng

Ngày phát hành	26-07-2018
Ngày sửa đổi	-
Phiên bản #	01
Xếp hạng HMIS®	Sức khỏe: 3* Khả năng bắt lửa: 1 Nguy cơ vật lý: 0
Xếp hạng NFPA	
Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm	Hệ thống phủ NuKote không thể dự đoán tất cả các điều kiện mà thông tin này và thông tin này sản phẩm, hoặc các sản phẩm của các nhà sản xuất khác kết hợp với sản phẩm của mình, có thể được sử dụng. Nó là trách nhiệm của người sử dụng trong việc đảm bảo các điều kiện an toàn để xử lý, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm và chịu trách nhiệm về mất mát, thương tích, thiệt hại hoặc chi phí do sử dụng không đúng cách. thông tin trong tờ giấy được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện tại có sẵn.